

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/DS-ST

Ngày: 17-02-2022

V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tùng;

2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm My - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 12 năm 2021 và ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2021/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1940; Nơi cư trú: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B là ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965; nơi cư trú: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1959;

- Bà Trương Thị H, sinh năm 1959;

Cùng nơi cư trú: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn L là ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965; Nơi cư trú: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị X, sinh năm 1957; Nơi cư trú: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị K, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1967; Nơi cư trú: ấp S L, xã S Đ, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1969; Nơi cư trú: ấp A H, xã M A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Trần Thị U, sinh năm 1972; Nơi cư trú: ấp P Đ, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị Út C, sinh năm 1975; Nơi cư trú: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Bà Trần Thị Út E, sinh năm 1978; Nơi cư trú: ấp M T, xã N H, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp P Đ, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị X, Trần Thị K, Trần Thị L, Trần Thị V, Trần Thị U, Trần Thị Út C, Trần Thị Út E, Trần Thị H là ông Trần Văn Đ, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ là: Bà Trần Thị Bích Thuận - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước Bến Tre.

(Tất cả đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Bé) là ông Trần Văn Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Văn Đ2 là chủ sử dụng phần đất có diện tích 225m² đất ở tại nông thôn, thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03 (nay theo bản đồ chính quy là 01 phần của thửa đất số 161, tờ bản đồ số 24), tọa lạc tại ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Đất được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Chợ Lách cấp quyền sử dụng đất cho Hộ Trần Văn Đ2 vào ngày 21/7/1999, đến nay chưa được cấp đổi theo VLap. Bà B và ông Đ2 có tất cả 10 người con gồm Trần Thị K, Trần Thị X, Trần Thị L, Trần Thị V, Trần Thị U, Trần Thị Út C, Trần Thị Út E, Trần Thị H, Trần Văn Đ và Trần Văn L. Cha mẹ đẻ của ông Đ2 đều đã chết, ông Đ2 không có cha mẹ nuôi và con nuôi. Vào thời điểm năm 1994 thì trong hộ ông Đ2 gồm có ông Đ2, bà Nguyễn Thị B (vợ ông Đ2), Trần Văn Đ (con ông Đ2), Trần Thị U (con ông Đ2), Trần Thị Út C (con ông Đ2), Trần Thị Út E (con ông Đ2), Trần Thị H (con ông Đ2). Tuy nhiên những người con gái của ông Đ2 khoảng 19-20 tuổi thì đã lấy chồng và chuyển hộ khẩu về nhà chồng hết, nên vào thời điểm năm 1999 chỉ còn lại ông Đ2, bà B, ông Đ trong hộ khẩu.

Ông Trần Văn Đ2 chết năm 2012, ông Đ2 chết để lại di sản thừa kế là phần đất có diện tích 225m² đất ở tại nông thôn, thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03 nhưng không để lại di chúc. Nguồn gốc thửa 1055 là do ông Trần Văn C (cha của ông Đ2) cho ông Đ2.

Phần đất 225m² do ông Trần Văn L và vợ là bà Trương Thị H trực tiếp quản lý, sử dụng từ khoảng năm 1984 cho đến nay do trước đây ông L sống cùng ông nội (Trần Văn C), còn ông Trần Văn Đ2 thì sống ở ấp C, không có về sống cùng ông L. Hiện nay ông Đ đang sinh sống tại ngôi nhà xây trên phần đất do ông L đứng tên QSDĐ, còn bà B không còn sống chung nhà với ông Đ nữa, mà hiện đang sống cùng với người con thứ hai của bà B.

Từ trước đến nay bà Bé vẫn để cho gia đình ông L canh tác đất, không có tranh chấp hay ngăn cản gì, tuy nhiên năm 2020 do giữa ông Đ với gia đình ông L mâu thuẫn với nhau về lối đi, bên ông L đòi rào đường đi (hiện nay chưa rào), sau đó ông Đ có thỏa thuận với ông L, yêu cầu ông L mở cho ông lối đi ngang 02m để ông đi nhưng ông L không đồng ý nên bà B mới khởi kiện để yêu cầu chia thừa kế.

Đến năm 2013, ông L và bà H có xây dựng căn nhà tường cấp 4 nền gạch bông, vách tole, xây ngôi nhà có 01 phần nằm trong phần đất tranh chấp.

Nay bà B yêu cầu chia thừa kế phần đất có diện tích 225m² thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03 (nay là 01 phần của thửa đất số 161, tờ bản đồ số 24); tọa lạc

tại: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Cụ thể bà B yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 1055 là $112,5m^2$; còn lại $112,5m^2$ thì chia đều thành 11 phần cho hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ2, tương đương mỗi người được nhận $10,23m^2$. Do bà Trần Thị X, Trần Thị K, Trần Thị L, Trần Thị V, Trần Thị U, Trần Thị Út C, Trần Thị Út E, Trần Thị H, ông Trần Văn Đ đồng ý giao toàn bộ phần đất được nhận thừa kế cho bà B hưởng nên bà B cũng đồng ý nhận đất theo yêu cầu của các con.

Theo kết quả đo đạc thực tế hiện nay phần đất tranh chấp có diện tích là $198,8m^2$ ($145,1m^2 + 53,7m^2$) nên nguyên đơn yêu cầu được nhận thừa kế tất cả là diện tích $145,1m^2$ (yêu cầu nhận đất), còn phần diện tích $53,7m^2$ mà ông L đã xây nhà thì để ông L được nhận thừa kế luôn, nếu trường hợp phần đất ông L nhận có nhiều hơn diện tích được thừa kế thì nguyên đơn cũng đồng ý, không yêu cầu ông L bồi hoàn. Đối với các cây trồng trên đất của ông L trồng, nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế tài sản, còn về tranh chấp lỗi đi thì sau khi giải quyết xong vụ thừa kế này nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 14/7/2020, 12/3/2021, không yêu cầu định giá lại.

Tại Văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trương Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông Trần Văn L) là ông Trần Văn Đ1 trình bày:

Phần đất hiện nay bà H và ông Trần Văn L đang sinh sống có nguồn gốc từ ông Trần Văn C cho (ông nội của ông L), sau đó ông L đã được UBND huyện Chợ Lách cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào ngày 10/12/1990 đối với các thửa đất 1053 diện tích $250m^2$, thửa đất 1057 diện tích $200m^2$, thửa đất 1058 diện tích $1.000m^2$, tổng cộng diện tích $1.450m^2$. Sau đó gia đình ông bà đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn M phần đất diện tích khoảng $1.000m^2$ (chuyển nhượng cách nay mấy chục năm, không nhớ thời gian bán), ông M mới đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Sau khi chuyển nhượng đất cho ông M thì giấy chứng nhận QSDĐ của ông bà còn lại khoảng $450m^2$ nhưng ông bà vẫn chưa được cấp đổi lại giấy chứng nhận QSDĐ mới.

Bà H và ông L canh tác đất nay đã 42 năm, vợ chồng bà sống cùng ông nội chồng, không có sống cha mẹ chồng, sau đó (không nhớ chính xác thời gian) mẹ chồng là bà Nguyễn Thị B về xin vợ chồng bà cho cất một ngôi nhà để ở nhờ trên phần đất của ông L đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ (ngôi nhà mà hiện nay ông Đ đang ở), sau đó một thời gian ông Đ2 về ở cùng bà B. Cách nay khoảng 10 năm

thì bà B không còn sống cùng ông Đ nữa, mà bà B đã về sống cùng người con thứ hai của bà B.

Ông Đ và bà B có tất cả 10 người con như bà B trình bày; ông Đ2 không có cha mẹ nuôi và con nuôi. Ông bà không nhớ ông Đ2 chết năm nào, cũng không biết ông Đ2 chết có để lại di chúc hay không.

Ông bà không biết ông Đ2 đứng tên QSDĐ của thửa 1055, ông bà không có lần chiếm đất của ai, ông bà sử dụng đất hợp pháp do ông Trần Văn C tặng cho, ông bà yêu cầu xác định đủ diện tích đã cấp giấy chứng QSDĐ cho ông bà, nếu diện tích đất dư ông bà cũng không lấy, ông bà sẽ trả lại, ai muốn sử dụng thì sử dụng.

Về việc ông Đ trình bày gia đình ông bà rào lối đi là không đúng, hiện nay lối đi vẫn sử dụng bình thường, ông Đ1 cũng sử dụng lối đi này để đi, hai bên không có tranh chấp gì. Ông bà hoàn toàn không biết lý do vì sao ông Đ khởi kiện ông bà cho đến khi Tòa án mời thì ông bà mới biết bị kiện.

Đối với kết quả đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 14/7/2020, 12/3/2021 ông Đ1, bà H không ý kiến, ông bà yêu cầu xác định đủ diện tích đất của ông bà.

Tại Văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là ông Trần Văn Đ trình bày:

Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất với lời trình bày của bà B, nếu những người liên quan được nhận thừa kế thửa 1055 thì đồng ý để toàn bộ phần được nhận cho bà B được hưởng, cũng như để bà Bé được đứng tên QSDĐ theo quy định.

Trường hợp Tòa án xác định phần đất tranh chấp cấp hộ ông Đ2 thì những người trong hộ đều đồng ý giao lại phần đất của mình được hưởng cho bà Bé được hưởng, cũng như để bà B được đứng tên QSDĐ theo quy định.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ trình bày:* Đề nghị HĐXX xem xét xác định phần đất thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03 (nay theo bản đồ chính quy thửa đất hiện là 01 phần của thửa đất số 161, tờ bản đồ số 24), tọa lạc tại ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre là di sản thừa kế do ông Trần Văn Đ2 chết để lại. Khi ông Đ2 chết không để lại di chúc nên $\frac{1}{2}$ tài sản bà B được hưởng, $\frac{1}{2}$ tài sản còn lại hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ2 được hưởng theo quy định. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Đ. Nếu trường hợp, Tòa án có căn cứ xác định

đất cấp cho hộ Trần Văn Đ2 thì ông Đ cũng đồng ý, đất chia đều cho các thành viên trong hộ; phần đất di sản của ông Đ2 để lại thì vẫn yêu cầu chia cho hàng thừa kế theo quy định; đồng thời những thành viên trong hộ được nhận đất cũng đồng ý giao lại toàn bộ phần đất cho bà B được hưởng.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

+ Về hàng thừa kế: Ông Đ2 chết năm 2012, không để lại di chúc. Ông Đ2 và bà B có tất cả 10 người con gồm Trần Thị K, Trần Thị X, Trần Thị L, Trần Thị V, Trần Thị U, Trần Thị Út C, Trần Thị Út E, Trần Thị H, Trần Văn Đ và Trần Văn L. Cha mẹ đẻ của ông Đ2 đều đã chết, ông Đ2 không có cha mẹ nuôi và con nuôi. Nên những người này thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ2, nên được hưởng phần di sản bằng nhau.

+ Về di sản thừa kế: Phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có diện tích 225m^2 thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03. Nay theo như kết quả đo đạc thực tế ngày 12/3/2021, phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có tổng diện tích là $198,8\text{m}^2$ nay theo bản đồ chính quy là 01 phần của thửa đất số 161, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách.

+ Căn cứ tài liệu, chứng cứ có đủ căn cứ xác định phần đất thửa 1055 là cấp cho Hộ Trần Văn Đ2 vào ngày 21/7/1999, thời điểm năm 1994 hộ ông Đ2 có tất cả 07 thành viên, gồm vợ chồng ông Đ2, bà B và 05 người con của ông Đ2, bà B. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Đ xác định vào thời điểm ngày 21/7/1999 các thành viên trong hộ ông Đ2 chỉ còn 03 người là ông Đ, bà B và ông Đ chung sống cùng nhau; còn những người con khác của ông Đ2 đều đã lấy chồng và chuyển hộ khẩu về nhà chồng sinh sống.

+ Ông L là người trực tiếp quản lý, canh tác tài sản từ năm 1984 đến nay nên đã có công sức bảo quản, tôn tạo duy trì tài sản. Nên khi giải quyết cần tính công sức quản lý của ông L bằng $1/4$ khối tài sản, tương đương $49,7\text{m}^2$ ($198,8\text{m}^2 : 4$). Các thành viên trong Hộ Trần Văn Đ2 được nhận $3/4$ khối tài sản còn lại, tương đương $149,1\text{m}^2$; như vậy ông Đ2, bà B, ông Đ mỗi người được hưởng $49,7\text{m}^2$ ($149,1\text{m}^2 : 3$).

+ Căn cứ theo quy định tại Điều 651 của BLDS năm 2015 những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau, mỗi người được hưởng một

phần, tương đương là $4,5\text{m}^2$ ($49,7\text{m}^2 : 11$). Bà K, bà X, bà L, bà V, bà U, bà C, bà E, bà H, ông Đ tự nguyện để phần của mình cho bà B, nên bà B sẽ nhận toàn bộ những phần tài sản của những người này. Tuy nhiên, bà B đồng ý giao phần diện tích $53,7\text{m}^2$ mà ông L đã xây nhà cho ông L được nhận thừa kế luôn, nếu trường hợp phần đất ông L nhận có nhiều hơn diện tích được thừa kế thì nguyên đơn cũng đồng ý, không yêu cầu ông L bồi hoàn là phù hợp nên ghi nhận. Như vậy phần bà B được nhận là $145,1\text{m}^2$; còn phần ông L được nhận là $53,7\text{m}^2$. Xét hiện nay bà B đã có chỗ ở ổn định, từ trước đến nay ông L canh tác phần đất đang chấp nên cần buộc ông L có trách nhiệm hoàn lại giá trị đất $145,1\text{m}^2$ này cho bà B, tương đương 145.100.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609, 610 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo giấy chứng tử ông Trần Văn Đ2 (Trần Văn Đ2) chết ngày 06/12/2012; đến ngày 23/4/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia thừa kế là còn thời hiệu khởi kiện về thừa kế theo quy định tại Điều 623 của BLDS năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn:

[3.1] Về di sản thừa kế:

Theo đơn khởi kiện, phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có diện tích 225m^2 thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03. Nay theo như kết quả đo đạc thực tế ngày 12/3/2021, phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có tổng diện tích là $198,8\text{m}^2$ (trong đó $145,1\text{m}^2$ thuộc thửa 161 tách 1, do ông L đang canh tác trồng cây; $53,7\text{m}^2$ thuộc thửa 161 tách 2 là một phần ngôi nhà của ông L) thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03 (nay theo bản đồ chính quy là 01 phần của thửa đất số 161, tờ bản đồ số 24), tọa lạc tại ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Đất được UBND huyện Chợ Lách cấp quyền sử dụng đất cho Hộ Trần Văn Đ2 vào ngày 21/7/1999, loại đất ở (đất thổ cư).

Xét về nguồn gốc đất: Phía nguyên đơn cho rằng đất tranh chấp là đất của bà B và ông Đ2 (trường hợp Tòa án có đủ căn cứ xác định phần đất tranh chấp cấp hộ ông Đ2 thì nguyên đơn cũng đồng ý); còn bị đơn cho rằng đất tranh chấp là của bị

đơn, bị đơn đã canh tác đất ổn định trên 42 năm. Xét thấy, căn cứ theo giấy chứng nhận QSDĐ được cấp cho hộ Trần Văn Đ2 vào ngày 21/7/1999 đối với phần đất diện tích 225m² thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03; thời điểm này bà B và ông Đ2 là vợ chồng, cho đến nay thửa 1055 không có biến động hay cấp đổi lại giấy CNQSDĐ. Theo Công văn số 98/UBND-NC ngày 17/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách xác định phần đất thửa 1055 là cấp cho Hộ Trần Văn Đ2 vào ngày 21/7/1999. Căn cứ theo công văn số 32/CAH ngày 26/01/2022 của Công an huyện Chợ Lách, theo hồ sơ hiện đang quản lý tại tàng thư hồ sơ hộ khẩu của Công an huyện Chợ Lách thì thời điểm năm 1994 trong hộ ông Đ2 gồm có ông Đ2, bà Nguyễn Thị B (vợ ông Đ2), Trần Văn Đ (con ông Đ2), Trần Thị U (con ông Đ2), Trần Thị Út C (con ông Đ2), Trần Thị Út E (con ông Đ2), Trần Thị H (con ông Đ2). Xét thấy, mặc dù thời điểm năm 1994 hộ ông Đ2 có tất cả 07 thành viên, gồm vợ chồng ông Đ2, bà B và 05 người con của ông Đ2, bà B. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Đ xác định vào thời điểm ngày 21/7/1999 các thành viên trong hộ ông Đ2 chỉ còn 03 người là ông Đ2, bà B và ông Đ chung sống cùng nhau; còn những người con khác của ông Đ2 đều đã lấy chồng và chuyển hộ khẩu về nhà chồng sinh sống khi khoảng 19-20 tuổi. Vì vậy, có đủ cơ sở để xác định đây là tài sản chung của Hộ ông Đ2, gồm có 03 thành viên trong hộ là ông Đ2, bà B và ông Đ là phù hợp với quy định tại khoản 29 Điều 3 của Luật đất đai.

Mặt khác, theo bản đồ địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chợ Lách cung cấp thì hình thể của thửa gốc 1055 so với hình thể phần đất đang tranh chấp thừa kế hiện nay là tương đối phù hợp. Do đó lời trình bày của bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bị đơn là không có căn cứ.

[3.2] Về hàng thừa kế: Ông Đ2 chết năm 2012, không để lại di chúc. Ông Đ2 và bà B có tất cả 10 người con gồm Trần Thị K, Trần Thị X, Trần Thị L, Trần Thị V, Trần Thị U, Trần Thị Út C, Trần Thị Út E, Trần Thị H, Trần Văn Đ và Trần Văn L. Cha mẹ đẻ của ông Đ2 đều đã chết, ông Đ2 không có cha mẹ nuôi và con nuôi. Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bà B, bà K, bà X, bà Loan, bà V, bà U, bà C, bà E, bà H, ông Đ và ông L thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ2, nên được hưởng phần di sản bằng nhau.

Tuy nhiên, xét thấy trong khoảng thời gian dài từ năm 1984 đến nay, phía bà B, ông Đ2 không có quản lý, canh tác đất, mà do ông L là người trực tiếp quản lý, canh tác tài sản; điều này cũng được ông Đ thừa nhận trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Theo xác minh của Tòa án tại địa phương thì phần đất tranh chấp vào khoảng năm 1984 là đất nền, giá trị khoảng 1,5-02 chỉ vàng trên 900m², vì vậy ông

L đã có công sức bảo quản, tôn tạo duy trì tài sản có giá trị như hiện nay. Nên khi giải quyết vụ án HĐXX cần tính công sức quản lý của ông L bằng $1/3$ khối tài sản, tương đương $66,3\text{m}^2$ ($198,8\text{m}^2 : 3$) là phù hợp với Điều 618 của BLDS.

Ngoài ra, như đã phân tích trên, các thành viên trong Hộ Trần Văn Đ2 được nhận $2/3$ khối tài sản còn lại, tương đương $132,5\text{m}^2$; như vậy ông Đ2, bà B, ông Đ mỗi người được hưởng $44,2\text{m}^2$ ($132,5\text{m}^2 : 3$).

[3.3] Căn cứ theo quy định tại Điều 651 của BLDS năm 2015 những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau nên bà B, bà K, bà X, bà L, bà V, bà U, bà C, bà E, bà H, ông Đ và ông L mỗi người được hưởng một phần, tương đương là $4,02\text{m}^2$ ($44,2\text{m}^2 : 11$). Tuy nhiên bà K, bà X, bà L, bà V, bà U, bà C, bà E, bà H, ông Đ tự nguyện để phần của mình cho bà B, nên bà B sẽ được nhận 10 phần. Như vậy tổng phần đất bà B được nhận là $128,6\text{m}^2$ ($40,2\text{m}^2 + 44,2\text{m}^2 + 44,2\text{m}^2$); còn phần diện tích ông L được nhận là $70,3\text{m}^2$ ($4,02\text{m}^2 + 66,3\text{m}^2$).

[3.4] Căn cứ theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 14/7/2020, 12/3/2021, xác định giá trị đất tranh chấp là 1.000.000 đồng/ m^2 . Phần diện tích $198,8\text{m}^2$ trị giá là 198.800.000 đồng ($198,8\text{m}^2 \times 1.000.000 \text{ đồng}/\text{m}^2$). Trên phần đất tranh chấp có một phần ngôi nhà của ông L có diện tích $53,7\text{m}^2$, nhà có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây bao che vách ngăn xây gạch, nền lát gạch ceramic 400x400mm, mái lợp tole Fibrô xi măng. Có các cây trồng do ông L trồng như: Chuối, mít, dừa, xoài, mai vàng, các cây trồng này các đương sự không yêu cầu xác định số lượng cây và giá trị cây.

Xét yêu cầu được nhận đất của bà B: Xét thấy hiện nay bà B đã có chỗ ở ổn định, từ trước đến nay bà B không có sinh sống hay canh tác phần đất đang chấp; mà toàn bộ phần đất này do bên ông L quản lý, sử dụng ổn định, đã trồng cây lâu năm và xây nhà trên phần đất này; hơn nữa phần đất đang tranh chấp có vị trí nằm ở giữa các phần đất khác của gia đình ông L nên chỉ cần buộc ông L phải trả cho bà B bằng giá trị quyền sử dụng đất đối với phần thừa kế mà bà B được hưởng là phù hợp.

[3.5] Xét lời trình bày của bị đơn cho rằng phần đất đang tranh chấp là đất của bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ vào ngày 10/12/1990, thuộc các thửa 1053, 1057, 1058, tờ bản đồ số 03, tổng diện tích là 1.450m^2 , sau đó bị đơn đã chuyển nhượng khoảng 1.000m^2 cho vợ chồng ông M, bà Đ nên diện tích của bị đơn còn lại là 450m^2 nên yêu cầu HĐXX xác định đủ 450m^2 của bị đơn, nếu diện tích bị đơn có dư thì bị đơn cũng không nhận. Xét thấy theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện diện tích đất của bị đơn hiện nay còn lại thuộc thửa 161 (phát sinh) diện tích $221,6\text{m}^2$, thuộc thửa 161 (còn lại) diện tích $367,8\text{m}^2$, thuộc thửa 178 diện

tích 382,7m² là hơn diện tích 450m² như bị đơn đã trình bày nên đất của bị đơn không có thiếu; đồng thời tại phiên tòa bị đơn cũng khẳng định ngoài các thửa đất trên thì không còn thửa đất nào khác. Từ đó có đủ cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp này không nằm trong phần đất đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông L vào ngày 10/12/1990.

Từ những nhận định trên, HĐXX có đủ căn cứ buộc ông L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà B số tiền 128.600.000 đồng. Ông L được trọn quyền quản lý, sử dụng phần đất 198,8m² và các tài sản gắn liền trên đất nêu trên.

[4] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ về tài sản tranh chấp, hàng thừa kế là phù hợp nên được chấp nhận. Tuy nhiên việc yêu cầu chia kỹ phần thừa kế và nhận đất là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[5] Về phát biểu và đề nghị của Viện kiểm sát về tài sản tranh chấp, hàng thừa kế là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận; còn về việc chia kỹ phần thừa kế thì như đã phân tích trên không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

- Bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí.
- Ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[7] Về chi phí tố tụng là 4.621.000 đồng, bà B phải chịu là 3.373.000 đồng; ông L phải chịu là 1.248.000 đồng. Do bà B đã nộp xong nên ông L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà B số tiền 1.248.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 12, 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Trần Văn L và bà Trương Thị H về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” phần đất có diện tích 198,8m² thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03 (nay là 01 phần của thửa đất số 161, tờ bản đồ số 24); tọa lạc tại: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Buộc ông Trần Văn L phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền là 128.600.000đ (Một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Trần Văn L được trọn quyền sử dụng phần đất có diện tích 198,8m² (đất ở), thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03 (nay là 01 phần của thửa đất số 161, tờ bản đồ số 24), gồm thửa 161 tách 1 diện tích 145,1m² và thửa 161 tách 2 diện tích 53,7m²; tọa lạc tại: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và tất cả các tài sản trên đất. Đất có tứ cận như sau:

Thửa đất 161 tách 1 có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa 179 của Đỗ Văn M;

Phía Tây giáp rạch;

Phía Nam giáp thửa 178 của Trần Văn L và thửa 161 còn lại của Trần Văn L;

Phía Bắc giáp thửa 161 tách 2, thửa 161 phát sinh của Trần Văn L.

Thửa đất 161 tách 2 có tứ cận:

Phía Đông, phía Tây, phía Nam giáp thửa 161 tách 1 của Trần Văn L;

Phía Bắc giáp thửa 161 phát sinh của Trần Văn L.

(Có họa đồ kèm theo).

Ông Trần Văn L có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550302-001839 đã cấp cho Hộ Trần Văn Đ vào ngày 21/7/1999 có diện tích 198,8m² (gồm thửa 161 tách 1 diện tích 145,1m² và thửa 161 tách 2 diện tích 53,7m²), thuộc thửa đất số 1055, tờ bản đồ số 03 (nay là 01 phần của thửa đất số 161, tờ bản đồ số 24); tọa lạc tại: ấp C, xã P P, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre để tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn L theo quy định.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà B là người cao tuổi nên được miễn án phí.
- Ông L là người cao tuổi nên được miễn án phí.

3/. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà B số tiền 1.248.000 đồng.

4/. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Đức

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Lách;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA+VP.*

Nguyễn Chí Đức

